

Bản án số: 44/2022/DS-ST
Ngày: 20/4/2022
V/v tranh chấp “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **HUỖNH VĂN DŨNG**

2. Ông **TRẦN VĂN NHU**

- Thư ký phiên tòa: Bà **PHẠM THỊ KIM LIÊU** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **NGUYỄN THANH BÌNH** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 20 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị G**, sinh năm 1961 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Cúc M**, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 05/4/2021 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Lê Thị G trình bày:

Bà M là em ruột của bà. Lúc sinh thời, khoảng thời điểm năm 1993, cha mẹ có cho bà và bà M mỗi người một công đất, việc cho không có lập văn bản hay giấy tờ gì, nhưng có sự chứng kiến của các anh chị em trong nhà. Do tin tưởng chị em nên bà cũng không đi làm thủ tục cấp giấy đất. Sau khi được cho đất, bà không canh tác mà để cho người em thứ 7 là bà Lê Thị G làm. Đến năm 1997, bà thấy bà M mới ra từ khổ nên để bà M quản lý, nếu bà M không làm nữa thì trả đất lại cho bà. Việc này chỉ nói miệng, không có lập văn bản thỏa thuận hay có ai chứng kiến. Bà biết bà M đem hai công đất bán cho ông Ba Đ ở ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang nhưng việc giao dịch để bà M hoàn toàn, ông Ba Đ cũng biết trong hai công đất có một công là của bà. Hai công đất này giáp ranh với đất của ông Ba Đ tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Bán với giá 02 cây 08 chỉ 05 phân vàng 24kr, chị em có thỏa thuận chia phân nửa tức là mỗi người 01 cây 04 chỉ 2,5 phân vàng 24kr, việc này không có lập văn bản thỏa thuận,

không có ai chứng kiến. Sau khi bán, bà M không giao phân nửa số vàng trên mà chỉ mới đưa cho bà được 05 chỉ vàng 24kr rồi cho rằng đây là số vàng bà mượn nên khởi kiện ở Tòa án nhân dân huyện T buộc bà phải trả lại số vàng này, Tòa án nhân dân huyện T và Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đều chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M. Nay còn lại 09 chỉ 2,5 phân vàng 24kr hiện do bà M quản lý nên bà yêu cầu khởi kiện buộc bà M phải có trách nhiệm trả lại cho bà số vàng này.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự và lời khai tại Tòa, bị đơn bà Lê Thị Cúc M trình bày:

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà G do không có việc cha mẹ cho bà và bà G 2.000m² đất gì, phần đất này do bà hưởng từ người anh mà bà đâm chết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như trên.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu, chứng cứ cụ thể: Do nguyên đơn và bị đơn là chị em ruột nên các nhân chứng là người thân của cả hai bên nên cần đối chất giữa 03 bên làm rõ, còn 05 người chưa đối chất được vào ngày 17/01/2022, chỉ mới mời 01 lần nên mời tiếp lần 2 để đối chất làm rõ. Việc xác định số tiền bán đất giữa bà G, bà M, ông Đ có sự khác, Tòa án cần thu thập tài liệu để làm rõ nội dung này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có cung cấp đơn xin xác nhận của những người làm chứng gồm Lê Thị G, sinh năm 1963, địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Trần Văn N, sinh năm 1978, Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1950, Lê Thị N, sinh năm 1959, cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, Trần Văn B, sinh năm 1952, địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang có thể hiện cùng một nội dung là cụ C có để lại 2.000m² cho 2 chị em bà G và bà M, số đất trên bà M quản lý đến năm 1999 thì bà M bán với giá 02 cây 08 chỉ 05 phân vàng 24kr nhưng bà M không đưa cho bà G, nội dung không khác gì so với biên bản lấy lời khai của người làm chứng đối với những người này tại Tòa án nhân dân huyện C. Trong khi đó, tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng bà Lê Thị Đ, sinh năm 1942, địa chỉ ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là chị ruột của bà G và bà M nêu nội dung không có việc cha là cụ C cho đất gì bà G và bà M. Từ việc mâu thuẫn này, Tòa án đã căn cứ theo quy định tại Điều 100 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành đối chất giữa các bên đương sự cùng những người làm chứng nêu trên và người làm chứng ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1949, địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định để làm sáng tỏ nội dung vụ án. Tuy nhiên, tại phiên đối chất ngày 17/01/2022 ông Đ, bà G, bà L, bà N vắng mặt không lý do nên Tòa án đã tiến hành đối giữa các đương sự và người làm chứng có mặt là anh N theo quy định. Anh N cũng là một trong số những người làm chứng có ý kiến xác nhận theo như nội dung đơn xin xác nhận mà bà G cung cấp tại Tòa nên việc tiến hành đối chất vắng mặt ông Đ, bà G, bà L, bà N vẫn phù hợp theo quy định pháp luật, không

ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự nên không cần thiết phải tiến hành mời đối chất lần hai là có căn cứ.

[2] Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự xác định rõ nội dung: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp,..”* cũng như tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Từ đó, việc bà G đưa ra yêu cầu khởi kiện buộc bà M phải trả lại số vàng 09 chỉ 2,5 phân vàng 24kr cũng như nguyên đơn cho rằng giá bán đất là 02 cây 08 chỉ 05 phân vàng 24kr thì trách nhiệm chứng minh hoàn toàn thuộc về nguyên đơn để xác định cho yêu cầu và ý kiến của mình là có căn cứ và hợp pháp theo quy định pháp luật nên Tòa án nhân dân huyện C không tiến hành thu thập tài liệu gì thêm liên quan đến nội dung số tiền bán đất giữa bà G, bà M, ông Đ có sự khác sau khi Tòa án đã đối chất, ghi lời khai của những người làm chứng theo quy định là có căn cứ.

Về nội dung:

[3] Xét thấy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng lúc sinh thời cha là cụ Lê Văn C có cho nguyên đơn và bị đơn diện tích 2.000m² đất, có các anh chị em chứng kiến. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn lại cho rằng lúc cụ C hấp hối ở bệnh viện thì có chối lại việc cho như trên nhưng không ai chứng kiến sau đó nguyên đơn tiếp tục cho rằng lúc còn sống trong các ngày giỗ cha có nói cho đất với nội dung trên nên anh chị em nào cũng biết. Lời khai của nguyên đơn trước sau không thống nhất cũng như bản thân bị đơn xác nhận không có việc này. Đồng thời, nguyên đơn xác định việc cho đất hoàn toàn không có lập văn bản hay giấy tờ gì, nguyên đơn chỉ cung cấp được lời khai của những người làm chứng Lê Thị G, sinh năm 1963, địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Trần Văn N, sinh năm 1978, Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1950, Lê Thị N, sinh năm 1959, cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, Trần Văn B, sinh năm 1952, địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang để xác định có việc cụ C cho đất là hoàn toàn thiếu căn cứ, không có giá trị khách quan trong khi đó, bà Lê Thị Đ, sinh năm 1942, địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũng là chị ruột của nguyên đơn và bị đơn xác định không hề có việc cho đất này nên việc nguyên đơn cho rằng việc cho đất của cụ C như trên thì các anh chị em trong gia đình đều biết và cùng công nhận có việc cho đất là không có cơ sở.

Thêm vào đó, tại phiên tòa sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, phiên tòa phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang trước việc bị đơn kiện đòi nguyên đơn trả 05 chỉ vàng 24kr cho mượn, nguyên đơn đã đưa ra ý kiến như trên nhưng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào thuyết phục để chứng minh ngoài việc cung cấp lời khai của một trong số những người làm chứng như đã nêu. Từ đó, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã giữ nguyên án sơ thẩm là chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định ông Phạm Văn Đ là chủ mua đất có biết việc nguyên đơn có phần diện tích 1.000m² trong phần diện tích 2.000m² đất mà ông đã mua. Tuy nhiên, theo như biên bản lấy lời khai của người làm chứng đối với ông Đ, ông xác định có nhận chuyển nhượng 2.000m² đất từ bị đơn nhưng không biết phần đất này chung với nguyên đơn và mọi giao dịch mua bán đều với bị đơn nên lời khai trên của nguyên đơn là không có cơ sở.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị G yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Cúc M phải trả lại số vàng 09 chỉ 2,5 phân vàng 24kr là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Tuy nhiên, nguyên đơn có đơn đề nghị miễn tạm ứng án phí, án phí do thuộc diện hộ nghèo, người cao tuổi nên theo quy định tại Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm phải chịu.

[5] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị G yêu cầu bà Lê Thị Cúc M phải trả lại cho bà G số vàng 09 chỉ 2,5 phân vàng 24kr.

Về án phí: Bà G được miễn án phí dân sự sơ thẩm phải nộp.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 08 giờ, ngày 20/4/2022 có mặt bà G, bà M.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Xuân Lam

